

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2020
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.
2. Ông Nguyễn Thành P.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-DS ngày 15/10/2020 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2020/QĐXX-DS ngày 30/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2020/QĐST-DS ngày 10/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng K , sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: - Bà Huỳnh Thị N , sinh năm 1983 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị D , sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 26/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng K trình bày: ông K với bà Nguyễn Thị D và bà Huỳnh Thị N là chỗ hàng xóm. Ngày 23/03/2020, bà Huỳnh Thị N đến tiệm bán gạo của ông K mua thiếu 30 bao gạo

nhưng ông không bán. Sau đó, bà Nguyễn Thị D (mẹ ruột của bà N) có điện thoại kêu ông K bán gạo thiếu cho bà N và hứa nếu bà N không trả tiền gạo thì bà D sẽ trả. Do đó, ông K có bán thiếu cho bà N 30 bao gạo (mỗi bao 50kg) với tổng số tiền là 12.400.000 đồng. Khi mua gạo, bà D và bà N có hứa một ngày sau (tức ngày 24/3/2020) sẽ trả tiền nhưng bà D và bà N không thực hiện như thỏa thuận. Ông K đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà D và bà N trả 12.400.000 đồng nhưng bà D và bà N hứa hẹn mà không trả. Sau đó, ông K có gửi đơn đến Ban ấp V, xã V để yêu cầu giải quyết. Tại Ban ấp, bà D hứa đúng 01 tháng sau sẽ trả đủ số tiền mua gạo 12.400.000 đồng nhưng hết thời hạn nêu trên bà D vẫn không trả. Ngày 15/7/2020, bà D có làm tờ cam kết tại Công an xã V, hứa đến ngày 25/6/2020 (âm lịch) trả cho ông K 6.400.000 đồng; đến ngày 25/7/2020 (âm lịch) trả dứt điểm số tiền còn lại, nhưng đến nay bà D và bà N không trả cho ông K khoản tiền nào.

Nay ông K yêu cầu bà Huỳnh Thị N và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền mua gạo còn nợ là 12.400.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D có địa chỉ tại xã V, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, bị đơn đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà N và bà D.

[3] Về nội dung: ông Nguyễn Hoàng K khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả tiền mua gạo còn nợ là 12.400.000 đồng, căn cứ vào Tờ cam kết ngày 15/7/2020 với nội dung: *“Vừa qua, tôi và con tôi (Như) có mua thiếu của chú Nguyễn Hoàng Kiêm, ngụ ấp V, xã V 30 bao gạo với số tiền 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Nay tôi xin cam kết đến ngày 25/6/2020 ÂL tôi trả trước là 6.400.000 đồng, đến ngày 25/7/2020 ÂL tôi trả dứt điểm phần còn lại....”*. Tuy nhiên, từ khi ký Tờ cam kết cho đến nay, bà N và bà D chưa trả cho ông K được khoản tiền nào.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bà N và bà D thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Mặc dù bà N và bà D trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nêu trên, nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông K đối với số nợ 12.400.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng mua bán giữa ông Nguyễn Hoàng K với bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D thực tế có xảy ra, thể hiện bằng Tờ cam kết ngày 15/7/2020, được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý. Ông K căn cứ vào Tờ cam kết ngày 15/7/2020 để yêu cầu bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 12.400.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng K số tiền 12.400.000 đồng.

[5] Về lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bị buộc trả số tiền nêu trên nên bà Huỳnh Thị N và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hoàng K không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng K .

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị N, bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng K số tiền 12.400.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Thị N và bà Nguyễn Thị D phải chịu chung 620.000 đồng (sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn Hoàng K không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004018, ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn H